TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Kiểm và ông Nguyễn Duy Tính

- Thư ký phiên toà*:* Bà Đỗ Thị Minh Hằng - Thư ký tòa án Toà án nhân dân Khu vực I- Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I- Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Tuyết M, sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 24B, khu H, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là tổ 24B, khu H, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ); Chỗ ở hiện nay: Số nhà 9, đội 3, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ 24B, khu H, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là tổ 24B, khu H, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trần Tuyết M trình bày:

Chị và anh Trần Thanh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2010 tại UBND phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (nay là phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về chung sống với bố mẹ đẻ của anh T là ông Trần Văn T1 và bà Đặng Thị L tại tổ 24B, khu H, phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là tổ 24B, khu H, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau do bất đồng trong quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con chung. Vì vậy, đến tháng 8/2020, chị đã chuyển ra ở riêng cùng với con chung tại phường NT, thành phố

Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đến tháng 5/2024, chị và con gái chuyển về ở tại số nhà 9, đội 3, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là số nhà 9, đội 3, phường NT, tỉnh Phú Thọ). Vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Đến nay chị xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 29/7/2010. Hiện nay cháu L do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lo việc học hành nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án để làm việc nên không có bản tự khai, vắng mặt không có lý do trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa sơ thẩm. Anh T cũng không gửi ý kiến hoặc văn bản gì đến Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật thuộc trường hợp cố tình trốn tránh.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị M được ly hôn anh T. Về con chung: giao cháu Trần Thị Mỹ L cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu; về tài sản chung, về nợ, về công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tiến hành tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Do bị đơn có nơi cư trú phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã xác minh đối với mẹ đẻ của anh T (sống cùng nhà với anh T), trưởng khu, và chính quyền địa phương thì anh T vẫn sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ 24B, khu H, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ cho anh T (do mẹ đẻ anh là bà Đặng Thị L nhận thay và đã giao cho anh T); anh T biết việc chị M xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, trường hợp này được coi là cố tình trốn tránh nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Chị M đã có bản tự khai, đã tham gia các phiên hop kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa lần 1 nhưng sau đó có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị là đúng quy định.

[2].Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị M thì quá trình chung sống của vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị M đã chuyển ra ở riêng cùng con, thi thoảng chị mới đưa con về nhà ông bà nội chơi vài ngày. Anh chị đã sống ly thân kể từ tháng 5/2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T biết việc chị M khởi kiện nhưng cố tình trốn tránh, không có lời khai thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Mâu thuẫn vợ chồng theo lời trình bày của chị M là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng tại chính quyền địa phương và mẹ đẻ anh T. Đó là thực tế vợ chồng chị M, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân từ rất nhiều năm, không ai quan tâm đến ai.

Như vậy, đủ căn cứ có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị M, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có 01 con chung là cháu cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 29/7/2010.

Nguyên đơn đề nghị được nuôi con chung và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập để đảo bảo nuôi con. Qua xác minh và xác nhận của mẹ đẻ

anh T thì chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung kể từ khi anh chị ly thân đến nay.

Đối với anh T do không hợp tác làm việc nên không có quan điểm về việc nuôi con cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các điều kiện để đảm bảo được việc nuôi con.

Do vậy, xét thấy cần thiết giao con chung cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo các quyền lợi mọi mặt của con chung chưa thành niên. Do chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Tuyết M.

- Cho chị Trần Tuyết M được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 29/7/2010 cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Trần Tuyết M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003402 ngày 07/02/2025 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Phú Thọ).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngảy được tống đạt hợp lệ Bản án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- THA DS tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 1 – Phú Thọ;
- UBND phườngViệt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: HSVA,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phùng Thị Thu Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- THA DS tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 1 – Phú Thọ;
- UBND phườngViệt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: HSVA,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phùng Thị Thu Hường